

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI
Số: 119/2023/QĐ-PT

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Quang Minh

Các Thẩm phán: Ông Bà Lê Thị Thúy Bình và ông Nguyễn Tất Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên họp:
Ông Nguyễn Văn Tuyền - Kiểm sát viên cao cấp.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 18/2023/QĐST -HC ngày 21/7/2023. Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã căn cứ vào các Điều 143, Điều 144 và Điều 165 Luật Tổ tụng hành chính, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về “Yêu cầu huỷ Quyết định cá biệt trong lĩnh vực quản lý đất đai”, giữa:

Người khởi kiện: Ông Hồ Bá N, sinh năm 1946; địa chỉ: Xóm H, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh N; địa chỉ: Số C đường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An.
- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
- Lâm trường Đ; địa chỉ: Xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
- Công ty TNHH MTV L; địa chỉ: Khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.
- Bà Hồ Thị V; địa chỉ: Xóm H, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 28/7/2023, người khởi kiện ông Hồ Bá N không đồng ý với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 18/2023/QĐST-HC ngày 21/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An nên đề

ngợi Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông [N](#), hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số X 327470 ngày 29/8/2003 do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh Nghệ An cấp cho Lâm trường Đồng Hợp tại [xã Đ, huyện Q](#), để trả lại gia đình ông quyền sử dụng đất 3,6ha trong thửa đất nêu trên.

XÉT THẤY:

[1] Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm số 01/2023/TLST-HC ngày 10 tháng 01 năm 2023 về “Yêu cầu huỷ Quyết định cá biệt trong lĩnh vực quản lý đất đai” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của ông [Hò Bá N](#) trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện, Hội đồng phúc thẩm nhận thấy:

Từ năm 1980, chấp hành chủ trương đi xây dựng kinh tế mới của [UBND huyện Q](#), gia đình ông [Hò Bá N](#) đi khai hoang đất ở [B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An](#). Khi gia đình ông [N](#) khai hoang, đất không có ai quản lý sử dụng, trên đất chỉ có cây rừng. Gia đình ông làm ăn ổn định, sản xuất công khai trên đất khai hoang, không có ai tranh chấp hay ý kiến gì.

Tháng 01/2002, cán bộ Lâm trường Đồng Hợp thông báo với ông [N](#) thửa đất ông đang sử dụng đã được [UBND tỉnh N](#) cấp GCNQSDĐ cho Lâm trường Đồng Hợp, ai muốn sản xuất phải có hợp đồng. Khi đó trên thửa đất của gia đình ông [N](#) đã trồng cây keo được 02 tháng tuổi. Vì sợ mất đất nên ông đã ký hợp đồng với [Lâm trường Đ](#) với chu kỳ 8 năm (Hợp đồng trồng rừng nguyên liệu số 31 tại [Tiểu khu B](#), khoảnh 6, lô G, diện tích 2,6ha tại khu vực đập [M](#)); đến năm 2011, gia đình ông đã thu hoạch. Sau đó, hộ gia đình ông [N](#) tiếp tục ký Hợp đồng liên doanh trồng rừng sản xuất theo chu kỳ số 04/HĐ.LDTR ngày 05/8/2011 với [Lâm trường Đ](#) cho đến nay chưa thu hoạch.

Ngoài vùng đất trên, gia đình ông còn có 01 thửa đất khác là Đồi trèn Khe Rùa, do ông khai phá vào năm 1980 diện tích 01ha, chuyên sản xuất đậu, lạc, lúa, ổn định từ năm 1980 đến năm 2001, không có tranh chấp với ai, sản xuất công khai. Tháng 06/2002, [Lâm trường Đ](#) thuê một số xã viên trồng cây trên đất của ông, vì Lâm trường [Đ](#) cho rằng thửa đất này [UBND tỉnh N](#) đã cấp cho Lâm trường [Đ](#), hiện nay Lâm trường đã ký Hợp đồng với ông [Bùi Văn T](#). Không đồng ý, nên ông đã nhiều lần làm đơn gửi Lâm trường [Đồng H](#) và [Công ty L](#) yêu cầu Lâm trường trả đất nhưng không được giải quyết. Vì vậy, ông đã gửi đơn thư khiếu nại lên các cơ quan, ban, ngành.

Năm 2010, ông có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ vị trí hành lang đập Mò Nùng cho gia đình ông tại [xóm H, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An](#). Ngày

25/8/2010, [UBND xã Đ](#) ban hành Công văn số 19/CV-UBND trả lời với nội dung: “vị trí thửa đất nằm trong hành lang đập Mò Nùng đã được [UBND tỉnh N](#) cấp GCNQSDĐ cho Lâm trường Đồng Hợp năm 2003 nên không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông trong đợt này.”

Ngoài ra, ông [N](#) còn có đơn gửi [UBND xã Đ](#) xin xác nhận số diện tích đất 63.585m² mà gia đình ông đang trực tiếp sử dụng vào sản xuất, chăn nuôi và trồng rừng. Tuy nhiên, [UBND xã Đ](#) đã ban hành Công văn số 21/UBND ngày 23/6/2014, Công văn số 57/UBND ngày 04/12/2014, Công văn số 27/UBND ngày 24/7/2014, Công văn số 09/UBND-ĐC ngày 06/6/2014 về việc trả lời đơn của ông [Hồ Bá N](#) với nội dung: “... Số diện tích 63.585m², hiện tại đang nằm trong GCNQSDĐ của [Lâm trường Đ](#) đã được [UBND tỉnh N](#) cấp năm 2003”. Bên cạnh đó, tại biên bản làm việc giữa [UBND xã Đ](#) với ông [Hồ Bá N](#) ngày 07/7/2023, ông [N](#) xác nhận đã nhận được 03 văn bản gồm: Công văn số 19/CV-UBND ngày 25/8/2010 của [UBND xã Đ](#), Công văn số 21/UBND ngày 23/6/2014 của [UBND xã Đ](#); Công văn số 57/UBND ngày 04/12/2014 của [UBND xã Đ](#) (trong đó nhận được 01 văn bản vào thời điểm năm 2010 và 02 văn bản vào thời điểm năm 2014).

Tại phiên toà sơ thẩm, một lần nữa ông [Hồ Bá N](#) tiếp tục thừa nhận đã nhận đầy đủ các văn bản trên vào năm 2010 và năm 2014 nhưng ông [N](#) cho rằng năm 2016 và năm 2018 ông có gửi đơn khiếu nại đến Ban tiếp công dân [UBND tỉnh N](#). Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 17/7/2023, Ban tiếp công dân [UBND tỉnh N](#) cung cấp: Vào năm 2016 và năm 2018, Ban tiếp công dân [UBND tỉnh N](#) không nhận được đơn thư nào của ông [Hồ Bá N](#).

Như vậy, có đủ căn cứ xác định từ thời điểm năm 2014, ông [N](#) đã biết thửa đất mà gia đình ông đang canh tác đã được [UBND tỉnh N](#) cấp GCNQSDĐ cho Lâm trường Đồng Hợp nhưng ông [N](#) không có ý kiến, khiếu nại, thắc mắc gì. Đến ngày 26/5/2022, ông [N](#) mới làm đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An để yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ mã số X327470 ngày 29/8/2003 do [UBND tỉnh N](#) cấp cho Lâm trường Đồng Hợp với diện tích 869,0ha tại [xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An](#) để trả lại cho gia đình ông [N](#) quyền sử dụng đất với diện tích 3,6ha theo Luật Đất đai, là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết vụ án nêu trên với lý do “Thời hiệu khởi kiện đã hết” là đúng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện ông [Hồ Bá N](#), giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 18/2023/QĐST -HC ngày 21/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do ông [Hồ Bá N](#) là người cao tuổi nên cần miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông [Hồ Bá N](#) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 243 Luật Tổ tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Bác kháng cáo của người khởi kiện ông [Hồ Bá N](#). Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 18/2023/QĐST-HC ngày 21/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[2] Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông [Hồ Bá N](#).

[3] Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, P.HCTP .

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Trần Quang Minh

